

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 13/7/2021

“*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu T**
Ông **Lê Văn D**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị B** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2021/TLST-DS ngày 08/6/2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 10/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-DS ngày 25/6/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng ĐT**

Địa chỉ: 35 H, Quận H, H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C - Giám đốc Ngân hàng ĐT chi nhánh G.

Ông Chương ủy quyền cho ông Trương Văn P - Giám đốc Phòng giao dịch Đ tham gia tố tụng. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng ĐT trình bày:

Ngày 30/3/2018, bà Hoàng Thị L ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10869174/HĐTD với Ngân hàng ĐT để vay số tiền 160.000.000 đồng; mục đích vay: chăn nuôi bò; thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 30/3/2018 đến ngày 28/02/2019); lãi suất cho vay là 9,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay này, bà Hoàng Thị L đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/10869174/HĐTC ngày 26/3/2018, gồm:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 214 tờ bản đồ số 74 có diện tích 250,0 m² tại thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 211709 mang tên ông Nguyễn Thế D và bà Lê Thị Y. Ngày 21/4/2016 đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị L theo hợp đồng số 63 ngày 06/4/2016.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 178 tờ bản đồ số 74 có diện tích 250 m² tại thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 990381 mang tên ông Nguyễn Lê N và bà Nguyễn Thị Bích T. Ngày 10/10/2017 đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị L theo hợp đồng số 1378 ngày 02/10/2017.

Sau khi vay, tính đến ngày 26/12/2018, bà Hoàng Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo như hợp đồng đã ký kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và gửi văn bản yêu cầu trả nợ nhưng bà L vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Hoàng Thị L phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng ĐT theo như Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bà Hoàng Thị L không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10869174/HĐTC ngày 26/3/2018 mà bà L đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là bà Hoàng Thị L đến tham gia tố tụng nhưng bị đơn không có mặt. Vì vậy, không có lời trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 216.760.548 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện trả nợ được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của bị đơn đã thế chấp để thu hồi nợ; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là bà Hoàng Thị L. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền,

nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngày 30/3/2018, bà Hoàng Thị L ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/10869174/HĐTD với Ngân hàng ĐT (BIDV) để vay số tiền 160.000.000 đồng; mục đích vay: chăn nuôi bò; thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 30/3/2018 đến ngày 28/02/2019); lãi suất cho vay là 9,5%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp.

Để đảm bảo khoản vay này, bà Hoàng Thị L đã thế chấp các tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/10869174/HĐTC ngày 26/3/2018, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc bà L phải thanh toán một lần tổng số tiền còn nợ là 216.760.548 đồng (Trong đó: số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 38.728.767 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 18.031.781 đồng); Trường hợp bà L không thể tự trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐT.

Buộc bà Hoàng Thị L phải trả cho Ngân hàng ĐT tổng số tiền tổng số tiền còn nợ là 216.760.548 đồng (Hai trăm mười sáu triệu bảy trăm sáu mươi ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó: số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 38.728.767 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 18.031.781 đồng).

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp bà Hoàng Thị L không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng ĐT thì Ngân hàng ĐT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/10869174/HĐTC ngày 26/3/2018 để thu hồi nợ, cụ thể:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 214 tờ bản đồ số 74 có diện tích 250,0 m² tại thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 211709 mang tên ông Nguyễn Thế D và bà Lê Thị Y. Ngày 21/4/2016 đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị L theo hợp đồng số 63 ngày 06/4/2016.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 178 tờ bản đồ số 74 có diện tích 250 m² tại thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 990381 mang tên ông Nguyễn Lê N và bà Nguyễn Thị Bích T. Ngày 10/10/2017 đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị L theo hợp đồng số 1378 ngày 02/10/2017.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị L phải trả lại cho Ngân hàng ĐT số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

4. Về án phí:

- Buộc bà Hoàng Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.838.027 đồng (*Mười triệu tám trăm ba mươi tám ngàn không trăm hai mươi bảy đồng đồng*).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng ĐT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.786.547 đồng (*Bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009439 ngày 17/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/7/2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H